

Số: 43/NQ-HĐND

Hòn Đất, ngày 19 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT
KHÓA X, KỶ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một
số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-
CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định
quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm
2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang;

Công văn số 1266/UBND-KT ngày 27 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm
2023 cấp huyện trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1344/STNMT-ĐĐ ngày 04 tháng
8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký
nhu cầu sử dụng đất thực hiện trong năm 2023;

Xét Tờ trình số 327/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân huyện Hòn Đất về việc thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2023
huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 08
tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất thông qua kế hoạch sử dụng
đất năm 2023 huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang với các nội dung chủ yếu như sau:



1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 103.984,81 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 95.053,63 ha, đất phi nông nghiệp là 8.931,18 ha. Cụ thể:

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022	Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Chỉ tiêu thực hiện tăng (+), giảm (-)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
						TT Hòn Đất	TT Sóc Sơn	Xã Bình Giang	Xã Bình Sơn	Xã Bình Thủy	Xã Minh Hải	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+...+(20)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
I	LOẠI ĐẤT																		
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		103.984,81	103.984,81		3.295,54	2.545,36	16.370,45	18.356,33	3.296,21	10.344,68	3.696,61	4.380,48	7.454,02	3.780,14	15.495,48	3.576,05	5.310,61	6.082,84
I	Đất nông nghiệp	NNP	95.287,50	95.053,63	-233,87	2.843,64	2.174,86	14.924,06	17.140,62	2.989,51	9.620,56	3.160,03	4.045,97	7.026,49	3.481,97	14.302,61	3.272,31	4.765,65	5.305,56
	<i>Trong đó:</i>																		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	80.049,36	79.967,99	-81,37	2.231,50	1.910,80	12.978,27	11.919,37	2.305,99	9.330,55	2.723,87	3.918,73	6.993,65	3.034,16	11.828,28	2.586,43	4.619,40	3.587,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	79.929,94	79.848,59	-81,35	2.231,50	1.910,80	12.951,91	11.919,37	2.212,94	9.330,55	2.723,87	3.918,73	6.993,65	3.034,16	11.828,28	2.586,43	4.619,40	3.587,00
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	119,42	119,40	-0,02			26,35		93,05									
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.001,96	984,44	-17,52	45,20	2,34	308,05	29,28	9,42	139,35	30,35	3,54		364,36	10,61	13,18	9,35	19,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.783,55	3.696,83	-86,72	488,52	183,60	704,05	364,36	164,58	140,06	266,34	111,03	30,37	75,41	272,07	401,56	124,43	370,44
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	6.226,65	6.220,83	-5,82		19,16	93,23	2.969,76	242,78		51,41				2.181,73	130,98		531,79
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.408,48	2.378,42	-30,06	63,40		610,00	1.705,02										
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSVN																	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.746,82	1.718,74	-28,08	4,12	58,55	225,63	114,32	266,74	10,60	87,93	9,29	2,27	7,83	0,20	140,17	5,39	785,71
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	70,68	66,38	-4,30	10,89	0,41	4,84	38,32		0,13	0,38		0,20	0,73			7,09	11,20
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.697,31	8.931,18	233,87	451,90	370,51	1.446,39	1.215,71	306,69	724,13	536,58	334,51	427,74	298,17	1.192,87	305,74	544,96	777,29
	<i>Trong đó:</i>																		
2.1	Đất quốc phòng	QOP	166,97	187,98	21,01	2,90		0,18	168,51	2,86		9,40							4,13
2.2	Đất an ninh	CAN	1,25	1,66	0,41	1,04	0,18		0,05		0,03		0,08	0,04			0,24		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,91	0,91						0,91									
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	10,81	34,18	23,37	3,84	2,66	2,65	2,92	2,01	1,89	5,15	1,60	1,12	1,67	1,79	1,68	2,82	2,39
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	53,93	89,61	35,68	9,19	4,92	5,32	20,56	3,09	2,54	14,79	2,54	2,54	2,54	3,91	2,54	10,12	5,01
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	202,68	202,68				7,25	160,88										
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đá	SKX	99,98	99,98															99,98
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.311,03	3.414,03	103,00	135,81	132,97	612,99	455,56	127,21	156,16	156,07	119,02	196,19	129,37	517,88	98,23	270,85	305,73
2.9.1	<i>Trong đó: Đất giao hàng</i>	DGT	727,35	844,06	116,71	48,06	28,01	83,37	70,48	54,49	24,95	34,58	37,59	13,08	42,47	83,72	22,40	112,63	186,24
2.9.2	<i>Đất thuê lại</i>	DTL	2.328,99	2.309,21	-19,78	59,80	50,78	515,92	371,81	69,82	105,82	66,60	68,79	181,62	82,20	420,47	71,99	144,47	99,12

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				TT Hòn Đất	TT Sóc Sơn	Xã Bình Giang	Xã Bình Sơn	Xã Linh Huỳnh	Xã Mỹ Hiệp Sơn	Xã Mỹ Lâm	Xã Mỹ Phước	Xã Mỹ Thái	Xã Mỹ Thuận	Xã Nam Thái Sơn	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Kiên	Xã Thổ Sơn			
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																		

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Hòn Đất có 233,87 ha đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp có 52,79 ha để thực hiện các công trình dự án và dự kiến bố trí quỹ đất để phục vụ việc chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân. Cụ thể:

ST T	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích <small>(4)=(6)+...+(19)</small>	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				TT Hòn Đất	TT Sóc Sơn	Xã Bình Giang	Xã Bình Sơn	Xã Linh Huỳnh	Xã Mỹ Hiệp Sơn	Xã Mỹ Lâm	Xã Mỹ Phước	Xã Mỹ Thái	Xã Mỹ Thuận	Xã Nam Thái Sơn	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Kiên	Xã Thổ Sơn		
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+...+(19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)		
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	NNP/PNN	233,87	10,53	14,80	29,75	49,87	26,02	9,60	16,57	8,53	6,83	8,53	8,00	11,02	12,68	21,14		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	43,99	2,36	1,84	6,36	9,81	1,48	2,48	2,86	1,48	1,76	1,48	1,48	1,86	5,07	3,67		
	<i>Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	43,97	2,36	1,84	6,34	9,81	1,48	2,48	2,86	1,48	1,76	1,48	1,48	1,86	5,07	3,67		
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK/PNN	0,02			0,02													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	17,52	1,55	1,49	2,06	1,48	1,48	1,48	1,00	1,48		1,48	1,48	1,48	0,53	0,53		

Đơn vị: ha



ST T	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				TT Hòn Đất	TT Sóc Sơn	Xã Bình Giang	Xã Bình Sơn	Xã Linh Huyện	Xã Mỹ Hiệp Sơn	Xã Mỹ Lâm	Xã Mỹ Phước	Xã Mỹ Thái	Xã Mỹ Thuận	Xã Nam Thới Sơn	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Kiên	Xã Thới Sơn
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU															
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^{a)}															
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^{a)}															
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^{a)}	10,00	3,00		3,50	3,50										
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/NKR ^{a)}															
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT															

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác
 - PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023: Huyện Hòn Đất không còn đất chưa sử dụng.
5. Danh mục công trình dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
 - Danh mục công trình dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (chỉ tiết kèm theo phụ lục)

6. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

6.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Khu vực có địa hình thấp cần áp dụng những biện pháp về đảm bảo độ cao cốt nền xây dựng để hạn chế những ảnh hưởng do biến đổi khí hậu;

- Nghiêm cấm việc san lấp, xây dựng lấn chiếm kênh, rạch; Khi tổ chức phê duyệt đối với các dự án xây dựng khu nhà ở đặc biệt phải dành quỹ đất để xây dựng công viên cây xanh kết hợp thể dục thể thao;

- Thực hiện tốt công tác phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm môi trường, thực hiện tốt công tác xác nhận cam kết bảo vệ môi trường và giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch khắc phục ô nhiễm môi trường theo nội dung cam kết;

- Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm nằm xen cài trong khu dân cư vào các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung;

- Vận động nhân dân thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện nếp sống văn minh đô thị, giữ gìn vệ sinh công cộng.

6.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân 14 xã, thị trấn trên địa bàn tổ chức công bố công khai và đồng thời chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai, không khả thi hoặc vi phạm kế hoạch sử dụng đất được duyệt; linh hoạt trong việc xúc tiến kêu gọi đầu tư tạo nguồn kinh phí để thực hiện.

- Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quan tâm sớm bố trí vốn để các dự án sớm được thực hiện. Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi chặt chẽ, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, để các dự án sớm được triển khai thực hiện và đảm bảo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tiếp tục cải cách các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất phải đơn giản hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực về tài chính và đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao, xã hội hóa như: xây dựng trường học, bệnh viện, đường giao thông, chỉnh trang phát triển đô thị,...

- Để thực hiện hiệu quả việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất sẽ chỉ đạo các cấp, ngành phối hợp triển khai thực hiện các nội dung sau:

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích người dân áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào vùng quy hoạch chuyển đổi; đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa, hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn gắn với tiêu thụ sản phẩm; tổ chức liên kết trong sản xuất, liên kết nông dân với nông dân thành vùng hàng hóa, liên kết nông dân với hợp tác xã và với doanh nghiệp để cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ nông dân tiếp cận, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, tạo sự liên kết chặt chẽ trong chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ, giảm bớt các khâu trung gian,...

+ Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ về vốn, giống mới năng suất cao để người dân mạnh dạn thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả; Đồng thời khuyến khích và nhân rộng các mô hình kinh tế hiệu quả, nhằm mục đích vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất vừa duy trì quỹ đất trồng lúa, đảm bảo an ninh lương thực, tăng thu nhập cho nông dân. Tập trung chỉ đạo các xã đảm bảo khung thời vụ gieo trồng, tích cực phòng trừ sâu bệnh, tăng cường đưa cơ giới hóa vào sản xuất, mở rộng diện tích thâm canh.

+ Nhất thiết phải gắn sản xuất với nhu cầu của thị trường để có kế hoạch sản xuất phù hợp, tránh tình trạng ế thừa sản phẩm. Đồng thời, có các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo khâu vệ sinh an toàn thực phẩm để có thể đưa được sản phẩm tới được những thị trường bên ngoài, đặc biệt là những thị trường được coi là “khó tính”.

+ Thực hiện các cơ chế, chính sách đủ mạnh thu hút các doanh nghiệp vào tham gia liên kết, đồng hành cùng nông dân trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm từ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các lò sấy, các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi ngay tại những vùng sản xuất tập trung này nhằm đảm bảo tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng các dự án đăng ký nhưng không thực hiện. Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đối với các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân huyện Hòn Đất thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 và kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện đã được Hội đồng nhân dân huyện Thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2022.

- Thấm định, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất; công khai thông tin các dự án đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án để người dân có thể kiểm tra giám sát; tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu và gia tăng nguồn thu ngân sách.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến việc



sử dụng đất; huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân. Tạo môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài và huy động các nguồn lực trong tỉnh. Phát triển dịch vụ tư vấn pháp lý để nâng cao năng lực hội nhập của doanh nghiệp. Tiếp tục tạo mọi điều kiện thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có đủ năng lực tham gia đầu tư, xây dựng các dự án mang tính đột phá, cấp thiết nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

6.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Hòn Đất sau khi được duyệt;

- Tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực về tài chính và đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao, xã hội hóa.

- Thực hiện quy chế dân chủ, công khai các dự án đầu tư trong quá trình giao dự án và triển khai thực hiện dự án để nhân dân cùng tham gia giám sát;

- Thực hiện các công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai hoặc không khả thi;

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để người dân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao;

- Thực hiện tốt quy định tại Nghị định số 62/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tài nguyên môi trường cấp xã để thực hiện tốt hơn công tác quản lý tài nguyên đất đai, thực hiện kế hoạch sử dụng đất và các công tác liên quan về bồi thường giải phóng mặt bằng.

6.4. Các giải pháp khác

6.4.1. Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất tổ chức thông báo các phòng ban chuyên môn, các tổ chức chính trị, đoàn thể, tổ chức khác để công bố công khai kế hoạch tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất và trên các

phương tiện thông tin đại chúng, trên panô, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng theo kế hoạch được duyệt.

- Tiếp tục tuyên truyền các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2013 về công tác quy hoạch, kế hoạch về quyền lợi, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng đất đai để tránh tình trạng quy hoạch treo, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện hiến đất nhằm xây dựng các dự án hạ tầng cơ sở - hạ tầng xã hội, phục vụ lợi ích chung của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, chủ động nguồn vốn, nguồn lực sẵn có của địa phương; vận động nguồn vốn từ tổ chức, cá nhân nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đúng theo kế hoạch đề ra.

6.4.2. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề đối với những hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, để đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội.

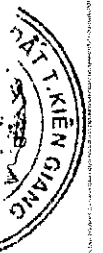
- Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng cần phải được thực hiện công khai, đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời cần có những giải pháp, chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi như:

+ Khi thu hồi đất phải đảm bảo quỹ đất để phục vụ tái định cư, tạm cư cho người dân có đất bị thu hồi (khu tái định cư, tạm cư phải được xây dựng phù hợp với tập quán định cư; phải xây dựng nhiều mức nhà, mức đất để người dân có quyền lựa chọn).

+ Cần có giải pháp hỗ trợ nông dân tận dụng quỹ đất nông nghiệp còn lại chuyển sang phát triển nông nghiệp đạt hiệu quả cao, áp dụng tiến bộ khoa học tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích. Quy hoạch khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa.

+ Tăng cường đào tạo, hướng nghiệp, nhất là đào tạo nghề tại chỗ. Đào tạo cho nông dân có kiến thức sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, hiện đại, mang lại thu nhập cao từ nông nghiệp. Đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người nông dân mất đất sản xuất sang các ngành nghề phi nông nghiệp như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

- Đối với những dự án có tính đặc thù riêng, đang vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường (mà chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có hoặc chưa có quy định cụ thể) thì phải xin ý kiến Hội đồng thẩm định bồi thường cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, nhằm giảm bớt việc khiếu nại, khiếu kiện của người dân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.



Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hòa Đất khóa X, kỳ họp lần thứ mười thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực từ ngày ký. / Dương

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các phòng, ban cấp huyện;
- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT tổng hợp huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Tân

PHỤ LỤC

Danh mục các công trình, dự án thực hiện năm 2023 huyện Hòa Đức

(kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Hòa Đức)

S TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng		280,20	128,04	152,16		
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		238,25	98,76	139,49		
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		88,81	67,55	21,26		
	Công trình, dự án thực hiện để giao đất		88,81	67,55	21,26		
	<i>Đất quốc phòng - CQP</i>		88,81	67,55	21,26		
1	Thao trường huấn luyện sư đoàn 4	CQP	29,92	29,92			Bình Sơn
2	Sư đoàn Bộ binh, eBB2, eBB10	CQP	57,26	37,50	19,76	RSX	Bình Sơn
3	Căn cứ hậu phương của tỉnh	CQP	1,50		1,50	RPH	Bình Sơn
4	Đại đội Trinh sát (xưởng sửa chữa tổng hợp)	CQP	0,13	0,13			Mỹ Lâm
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		149,44	31,21	118,23		
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất						
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất						
1.2.3	Công trình dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		149,44	31,21	118,23		
	<i>Đất công trình năng lượng - DNL</i>		3,88		3,88		
5	Đường dây 220kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình mạch 2	DNL	3,20				
					0,53	0,36 (LUC) 0,01 (ONT) 0,13 (CLN) 0,02 (NTD) 0,01 (DTL)	Mỹ Lâm
					0,32	0,25 (LUC) 0,05 (CLN) 0,02 (DGT)	TT. Sóc Sơn
					0,15	LUC	Sơn Bình
					0,37	0,36 (LUC) 0,01 (CLN)	Sơn Kiên
					0,54	0,35 (LUC) 0,13 (CLN) 0,06 (HNK)	TT. Hòa Đức
					0,76	0,65 (LUC) 0,11 (CLN)	Bình Sơn



S TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
					0,53	0,39 (LUC) 0,14 (CLN)	Bình Giang
6	Cải tạo đường dây 220kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	DNL	0,68		0,68	0,20 (LUC) 0,05 (HNK) 0,30 (RSX) 0,03 (DGT) 0,07 (DTL) 0,03 (ONT)	Bình Giang
	Đất giao thông - DGT		145,56	31,21	114,35		
7	Dự án đầu tư xây dựng cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	DGT	2,36	0,03	2,33	1,68 (LUC) 0,46 (ONT) 0,02 (DTL) 0,12 (SON) 0,05 (CLN)	Sơn Kiên
8	Đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	DGT	50,24	19,66	5,78	0,12 (CLN) 1,35 (RPH) 1,45 (NTS) 0,12 (ONT) 2,40 (DTL) 0,34 (SON)	Thổ Sơn
					9,58	0,54 (LUC) 0,47 (HNK) 5,60 (CLN) 2,91 (DTL) 0,06 (SON)	Mỹ Lâm
					7,91	0,65 (CLN) 0,59 (RPH) 0,02 (NTS) 0,47 (ONT) 5,78 (DTL) 0,40 (SON)	Sơn Bình
					7,31	6,38 (CLN) 0,07 (ODT) 0,46 (DTL) 0,40 (SON)	TT. Sóc Sơn
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	DGT	53,90		6,00	3,81 (NTS) 0,55 (ONT) 1,64 (CLN)	Thổ Sơn
					17,69	4,56 (NTS) 1,21 (RPH) 0,20 (ONT) 11,72 (CLN)	Linh Huỳnh
					14,59	1,31 (LUC) 1,77 (NTS) 0,08 (RPH) 1,79 (ONT) 9,64 (CLN)	Bình Sơn
					15,62	0,71 (LUC) 1,88 (NTS) 0,92 (RPH)	Bình Giang

S TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
						0,36 (ONT) 11,75 (CLN)	
10	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (nâng cấp, mở rộng đoạn cây xăng Bình Phận - Mộ Chị Sứ)	DGT	5,36	3,56	1,80	0,33 (LUC) 0,94 (CLN) 0,53 (ONT)	Thổ Sơn
11	Nâng cấp và mở rộng Đường Vòng núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo)	DGT	11,90	3,63	8,27	0,17 (RPH) 0,25 (CQP) 5,43 (DTL) 2,42 (SON)	Thổ Sơn
12	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc huyện Hòn Đất	DTL	21,80	1,32	2,62	0,52 (LUC) 0,02 (LUK) 0,07 (HNK) 0,45 (CLN) 0,16 (NTS) 0,15 (DGT) 0,01 (DRA) 0,26 (ONT) 0,98 (SON)	Bình Giang
		DTL		0,12	1,18	0,18 (LUC) 0,14 (DGT) 0,73 (ONT) 0,13 (SON)	Bình Sơn
		DGT		2,89	13,67	3,04 (LUC) 0,46 (HNK) 0,11 (CLN) 7,63 (DTL) 0,46 (ONT) 1,97 (SON)	Bình Giang
2	Các công trình, dự án còn lại		41,95	29,28	12,67		
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		20,31	10,31	10,00		
	<i>Đất an ninh - CAN</i>		<i>0,09</i>		<i>0,09</i>		
13	Trụ sở Công an thị trấn Sóc Sơn	CAN	0,09		0,09	LUC	TT. Sóc Sơn
	<i>Đất giao thông - DGT</i>		<i>16,22</i>	<i>9,60</i>	<i>6,62</i>		
14	Bến đò kênh T5 Bình Giang	DGT	0,02		0,02	ONT	Bình Giang
15	Đường 286 (quốc lộ 80- đê biển)	DGT	5,20		5,20	5,06 (LUC) 0,10 (CLN) 0,04 (ONT)	Bình Sơn
16	Mở rộng tuyến đường Mỹ Thái, Mỹ Hiệp Sơn	DGT	11,00	3,50	0,31	0,26 (LUC) 0,04 (CLN) 0,01 (ONT)	Mỹ Thái
				6,10	1,09	1,00 (LUC) 0,07 (CLN) 0,02 (ONT)	Mỹ Hiệp Sơn
	<i>Đất thủy lợi- DTL</i>		<i>1,13</i>		<i>1,13</i>		
17	Đào kênh thoát lũ KH6 Bình Sơn	DTL	1,13		1,13	LUC	Bình Sơn



S TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo - DGD		1,31		1,31		
18	Trường MN Bình Sơn	DGD	0,39		0,39	ONT	Bình Sơn
19	Trường Mầm non Nhân Hiền	DGD	0,42		0,42	0,03 (ODT) 0,39 (CLN)	TT. Hòn Đất
20	Trường MG Sơn Bình	DGD	0,50		0,50	0,26 (CLN) 0,23 (LUC) 0,01 (DGT)	Sơn Bình
	Đất khu vui chơi giải trí công cộng - DKV		0,22		0,22		
21	Công viên chợ cũ	DKV	0,22		0,22	ODT	TT. Sóc Sơn
	Đất sinh hoạt cộng đồng - DSH		0,05		0,05		
22	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp Thuận An	DSH	0,05		0,05	CLN	Bình Sơn
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan - TSC		1,29	0,71	0,58		
23	UBND huyện Hòn Đất (Bồi thường GPMB + San lấp mặt bằng)	TSC	1,29	0,71	0,58	0,38 (CLN) 0,17 (NTS) 0,03 (ODT)	TT. Hòn Đất
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		2,67		2,67		
	Đất an ninh - CAN		0,32		0,32		
24	Trụ sở làm việc Công an xã Mỹ Phước	CAN	0,08		0,08	TSC	Mỹ Phước
25	Trụ sở Công an xã Sơn Bình	CAN	0,24		0,24	TSC	Sơn Bình
	Đất thương mại - dịch vụ - TMD		0,97		0,97		
26	CHXD số 33 (Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang)	TMD	0,26		0,26	CLN	TT. Hòn Đất
27	Trường MG Sơn Kiên	DGD	0,71		0,71	0,41 (DVH) 0,19 (CLN) 0,11 (DGT)	Sơn Kiên
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa - DVH		0,14		0,14		
28	Nhà văn hoá xã Bình Giang	DVH	0,14		0,14	0,09 (ONT) 0,05 (NTS)	Bình Giang
	Đất tôn giáo - TON		0,43		0,43		
29	Chùa Tân Phước	TON	0,43		0,43	CLN	Mỹ Lâm
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan - TSC		0,77		0,77		
30	Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất	TSC	0,27		0,27	0,17 (LUC) 0,10 (CLN)	TT. Hòn Đất
31	Trụ sở tòa án nhân dân huyện Hòn Đất	TSC	0,50		0,50	0,35 (LUC) 0,15 (CLN)	TT. Hòn Đất
	Đất bưu chính viễn thông - DBV		0,04		0,04		
32	Bưu điện văn hóa xã Sơn Bình	DBV	0,04		0,04	TSC	Sơn Bình
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		18,97	18,97			
2.3.1	Công trình, dự án thực hiện để		10,59	10,59			

S TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)
	giao đất						
	Đất quốc phòng - CQP		2,77	2,77			
33	Đồn Biên phòng	CQP	2,77	2,77		CQP	Linh Huỳnh
	Đất xây dựng cơ sở y tế - DYT		0,20	0,20			
34	Trạm Y tế thị trấn Sóc Sơn	DYT	0,20	0,20		DYT	TT. Sóc Sơn
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo - DGD		7,58	7,58			
35	Trường THCS Thổ Sơn	DGD	0,26	0,26			Thổ Sơn
36	Trường TH&THCS Mỹ Thái	DGD	0,45	0,45			Mỹ Thái
37	Trường Mẫu giáo Linh Huỳnh	DGD	0,30	0,30			Linh Huỳnh
38	Trường TH và THCS Vàm Rầy	DGD	0,45	0,45			Bình Sơn
39	Trường Tiểu học Mỹ Thuận	DGD	0,61	0,61			Mỹ Thuận
40	Trường TH&THCS Thuận Tiến	DGD	2,81	2,81			Bình Sơn
41	Trường TH Linh Huỳnh	DGD	1,05	1,05			Linh Huỳnh
42	Trường THCS Mỹ Thuận	DGD	0,06	0,06			Mỹ Thuận
43	Trường MG Nam Thái Sơn	DGD	0,16	0,16			Nam Thái Sơn
44	Trường mầm non thị trấn Hòn Đất	DGD	0,29	0,29			TT. Hòn Đất
45	Trường THCS Giồng Kè	DGD	1,14	1,14			Bình Giang
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan - TSC		0,04	0,04			
46	Phòng Văn hóa- Thông tin huyện Hòn Đất	TSC	0,04	0,04		TSC	TT. Hòn Đất
2.3.2	Công trình, dự án thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất		0,54	0,54			
47	Khu đất lấp kênh nước đen	ODT	0,15	0,15		ODT	TT. Hòn Đất
48	Lô C2 dự án ĐTXD Chợ và khu dân cư trung tâm Thị trấn Sóc Sơn	TMD	0,39	0,39			TT. Sóc Sơn
2.3.3	Công trình, dự án thực hiện thuê quyền sử dụng đất		7,84	7,84			
	Đất bãi thải, xử lý chất thải - DRA		7,84	7,84			
49	Nhà máy xử lý rác thải Plasma	DRA	7,84	7,84		DRA	TT. Sóc Sơn



